

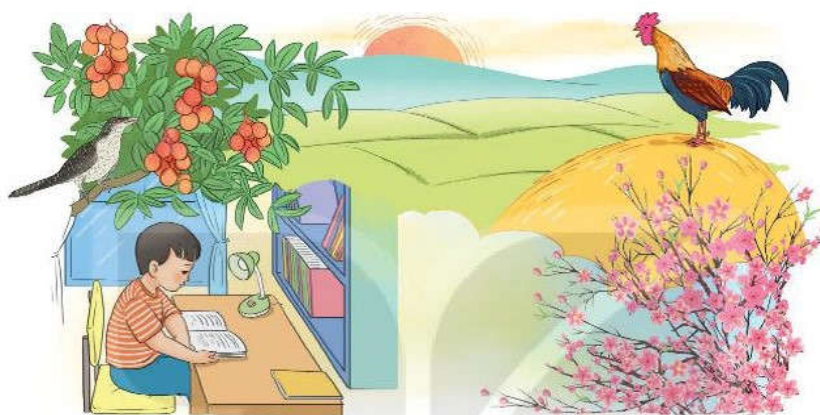
# Bài 4

## LÀM VIỆC THẬT LÀ VUI

### ĐỌC



Quan sát tranh và cho biết mỗi người, mỗi vật trong tranh đang làm gì.



### LÀM VIỆC THẬT LÀ VUI

Quanh ta, mọi vật, mọi người đều làm việc.

Cái đồng hồ tích tắc, tích tắc, báo phút, báo giờ. Con gà trống gáy vang ò ó o, báo cho mọi người biết trời sắp sáng, mau mau thức dậy. Con tu hú kêu tu hú, tu hú. Thế là sắp đến mùa vải chín. Chim bắt sâu, bảo vệ mùa màng. Cành đào nở hoa cho sắc xuân thêm rực rỡ, ngày xuân thêm tung bừng. Chim cú mèo chập tối đứng trong hốc cây rúc cú cú cũng làm việc có ích cho đồng ruộng.

Như mọi vật, mọi người, bé cũng làm việc. Bé làm bài. Bé đi học. Học xong, bé quét nhà, nhặt rau, chơi với em đỡ mẹ. Bé luôn luôn bận rộn, mà lúc nào cũng vui.

(Theo Tô Hoài)

### Từ ngữ

- *Sắc xuân*: cảnh vật, màu sắc của mùa xuân.
- *Tung bừng*: (quang cảnh, không khí) nhộn nhịp, tươi vui.
- *Rúc*: kêu lên một hồi dài.



1. Những con vật nào được nói đến trong bài?
2. Đóng vai một con vật trong bài, nói về công việc của mình.
3. Kể tên những việc bạn nhỏ trong bài đã làm.
4. Theo em, mọi người, mọi vật làm việc như thế nào?



1. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu hoạt động.

**A**

Con gà trống

Cành đào

Cái đồng hồ

**B**

tích tắc, tích tắc báo phút, báo giờ.

gáy vang báo trời sắp sáng.

nở hoa cho sắc xuân thêm rực rỡ.

2. Đặt một câu nêu hoạt động của em ở trường.



1. Nghe – viết:

**Làm việc thật là vui**

Quanh ta, mọi vật, mọi người đều làm việc.

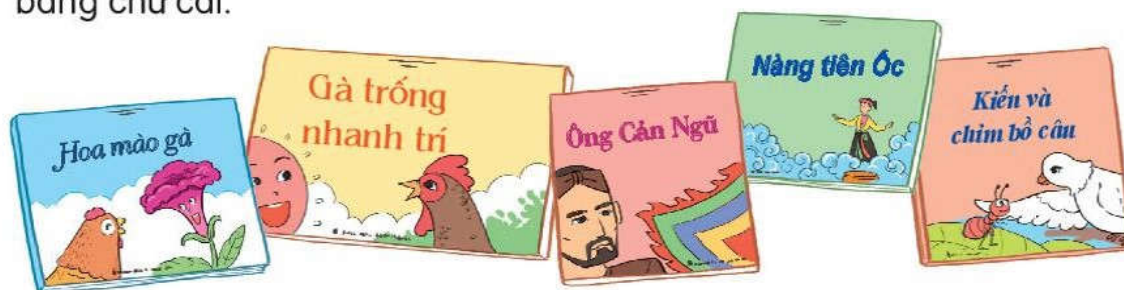
Cái đồng hồ báo phút, báo giờ. Con gà trống gáy vang báo trời sắp sáng. Con tu hú gọi mùa vải chín. Cành đào nở hoa cho sắc xuân thêm rực rỡ, ngày xuân thêm tung bừng.

2. Tìm những chữ cái còn thiếu trong bảng. Học thuộc tên các chữ cái.

| Số thứ tự | Chữ cái | Tên chữ cái |
|-----------|---------|-------------|
| 10        | g       | giê         |
| 11        |         | hát         |
| 12        |         | i           |
| 13        | k       | ca          |
| 14        |         | e-lờ        |

| Số thứ tự | Chữ cái | Tên chữ cái |
|-----------|---------|-------------|
| 15        | m       | em-mờ       |
| 16        |         | en-nờ       |
| 17        |         | o           |
| 18        | ô       | ô           |
| 19        |         | ơ           |

3. Dựa vào chữ cái đầu tiên, sắp xếp tên các cuốn sách theo thứ tự trong bảng chữ cái.



## LUYỆN TẬP



1. Tìm và gọi tên các vật trong tranh.



2. Tìm 3 – 5 từ ngữ chỉ hoạt động gắn với các vật trong tranh ở bài tập 1.

M: chổi – quét nhà

3. Đặt một câu nói về việc em làm ở nhà.

M: Em **quét** nhà.



1. Nhìn tranh, kể về các việc bạn nhỏ đã làm.



2. Viết 2 – 3 câu kể về một việc em đã làm ở nhà.

G:

- Em đã làm được việc gì?
- Em làm việc đó thế nào?
- Nêu suy nghĩ của em khi làm xong việc đó.

## ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc các bài viết về những hoạt động của thiếu nhi.
2. Trao đổi với các bạn về bài đã đọc dựa vào gợi ý sau:

G:

